TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Bà Mai Thị Lý

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Diệp – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1970

2. Bị đơn: Ông Lương Thanh L, sinh năm 1972

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp S, xã H, tỉnh A.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P trình bày:***

Bà và ông Lương Thanh L tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 1994, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang) vào ngày 29/9/2020. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 02 người con chung gồm: Lương Toàn N, sinh năm 1995 và Lương Thị Mỹ N, sinh năm 1998. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L.

Về con chung: Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn ông Lương Thanh L:*** *Các* văn bản tố tụng của Tòa án đã được thông báo cho ông L theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Ông L có gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà P nên không có lời khai của ông L tại Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Lương Thanh L hiện nay có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp S, xã H, tỉnh A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 -An Giang.

Các đương sự đều có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Thanh P và ông Lương Thanh L cưới nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, giấy đăng ký kết hôn số 87 ngày 29/9/2020, tại UBND xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, việc kết hôn của bà P và ông L đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên dần dần ông bà bất đồng quan điểm, không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, ông bà đã sống ly thân từ nhiều tháng nay.

Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình tiến bộ và hạnh phúc. Hơn nữa, việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay bà P kiên quyết, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông L. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

[4]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với ông Lương Thanh L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang) theo biên lai thu số 0011231 ngày 06 tháng 5 năm 2025. Bà P không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc